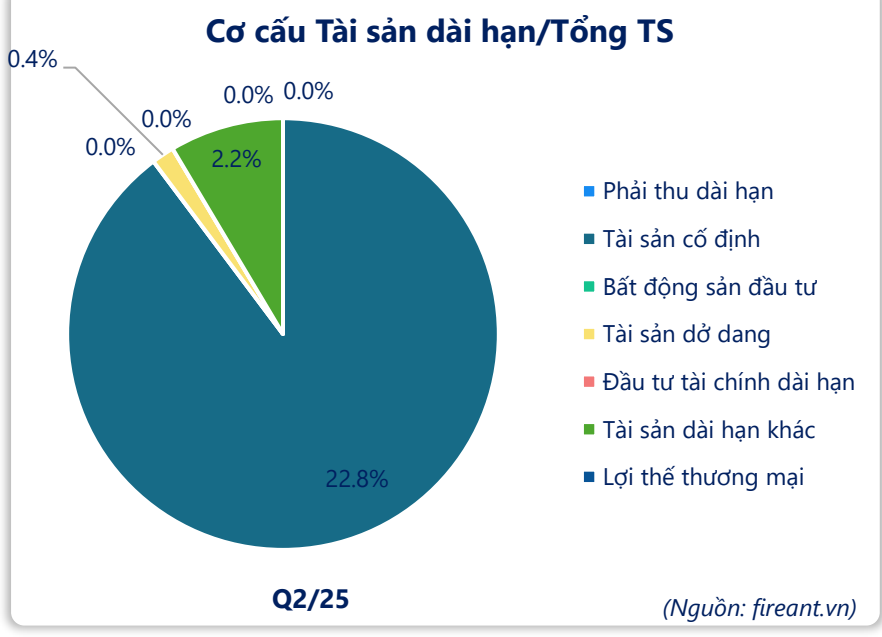
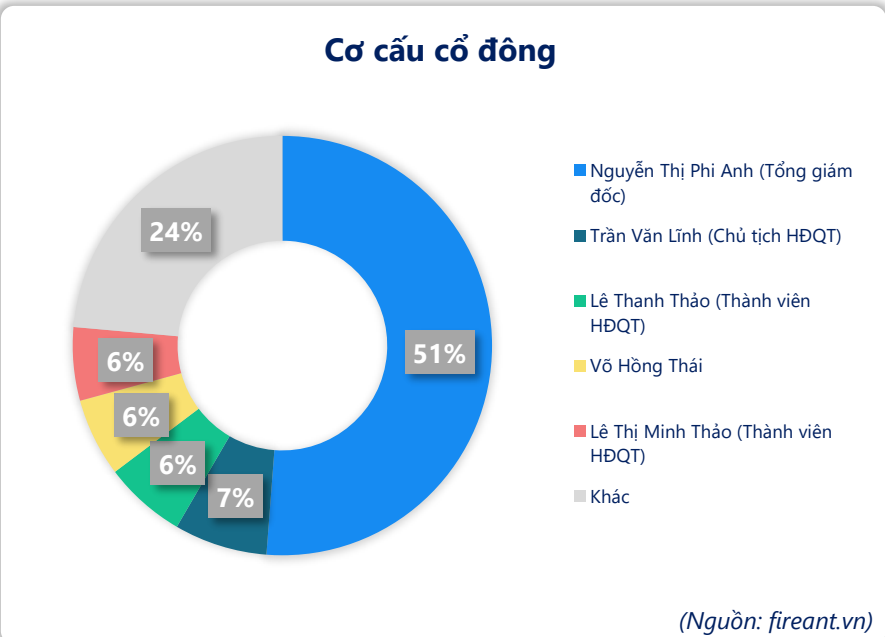
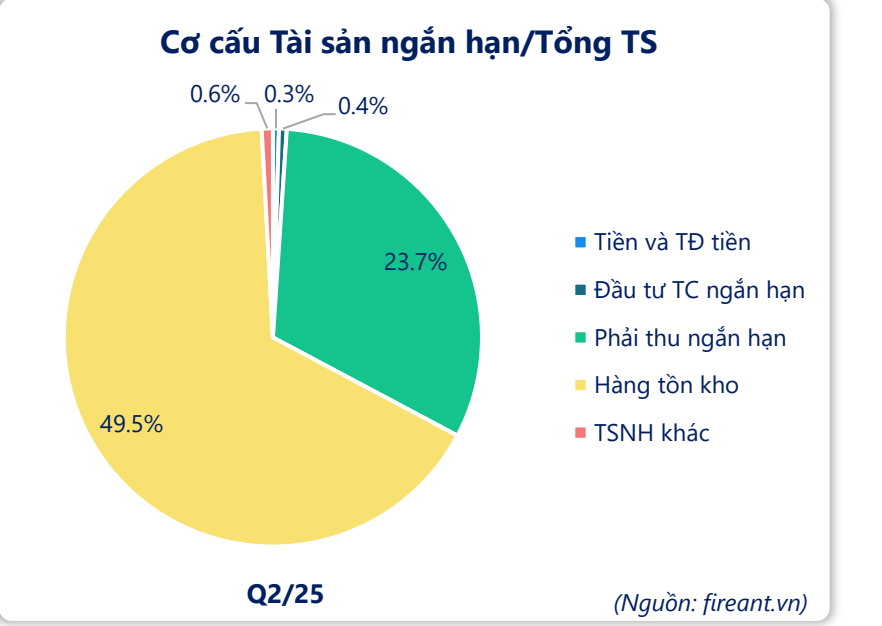
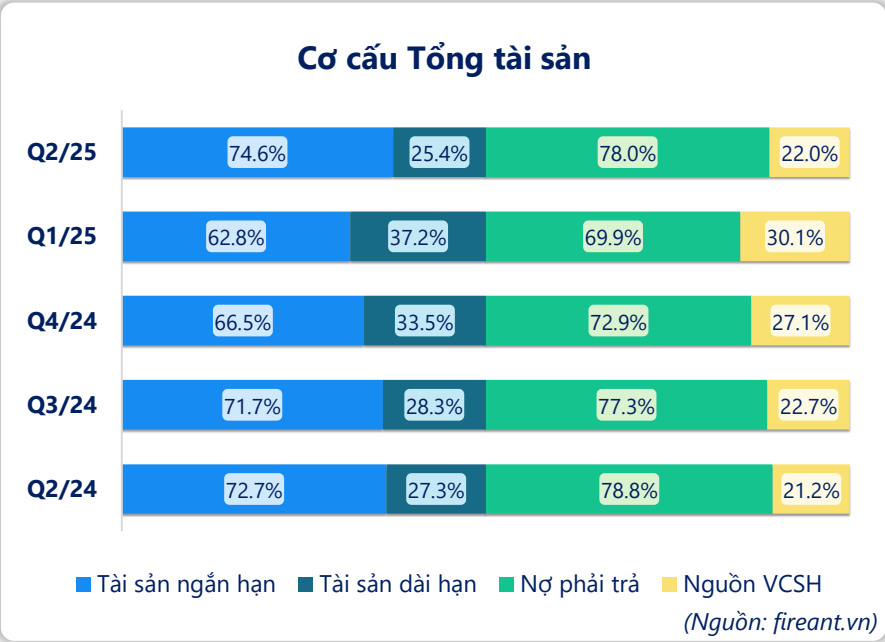
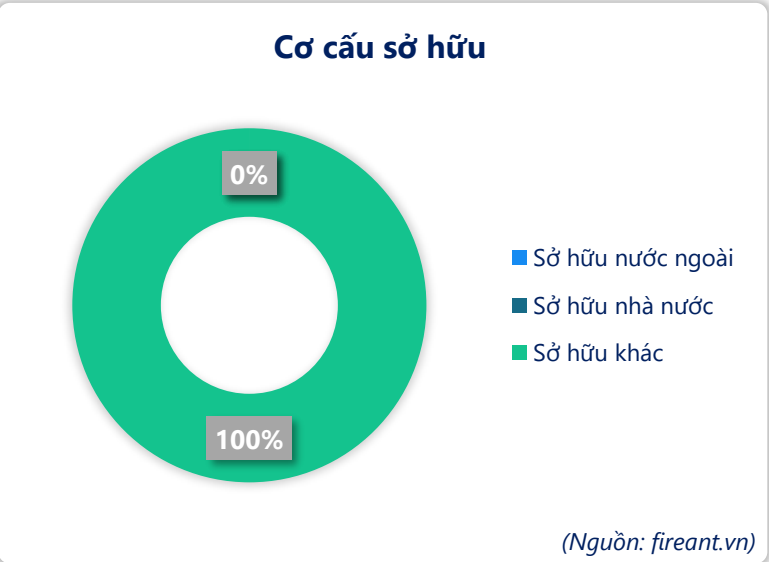
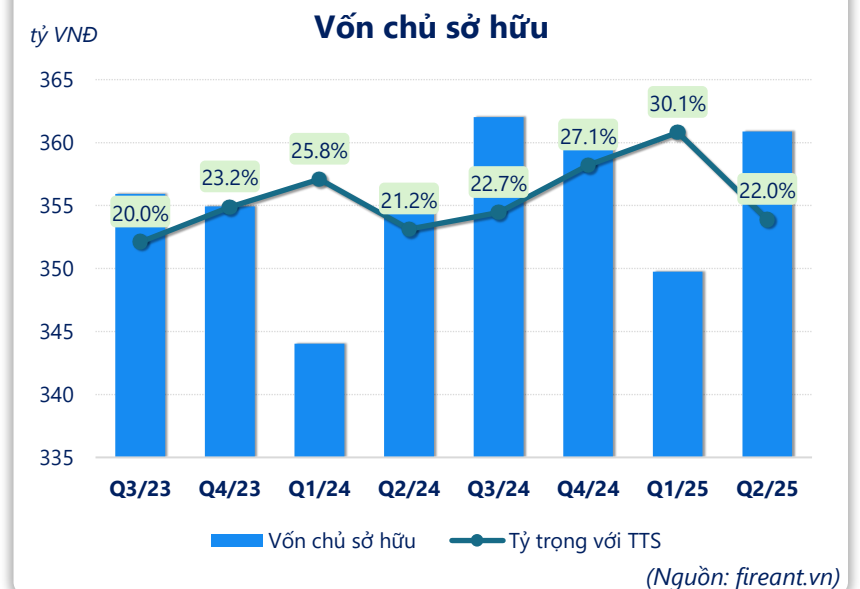
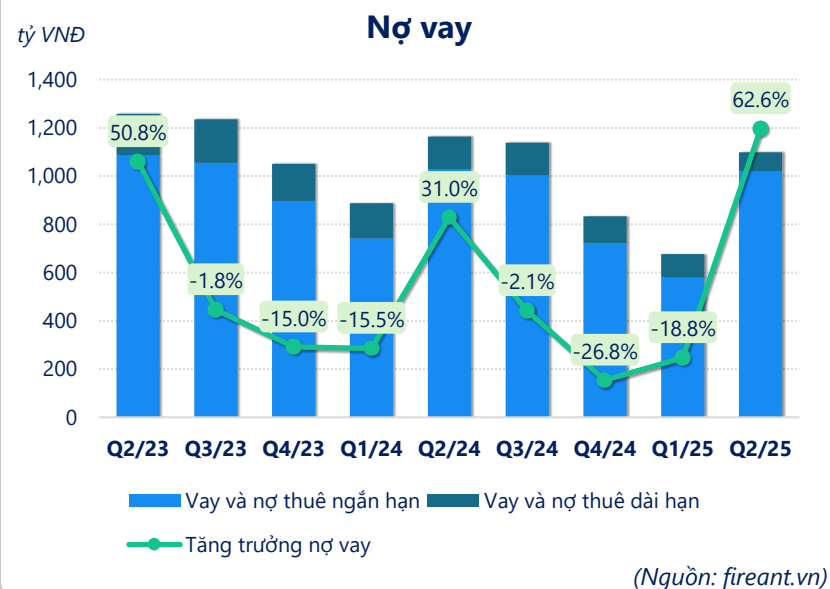
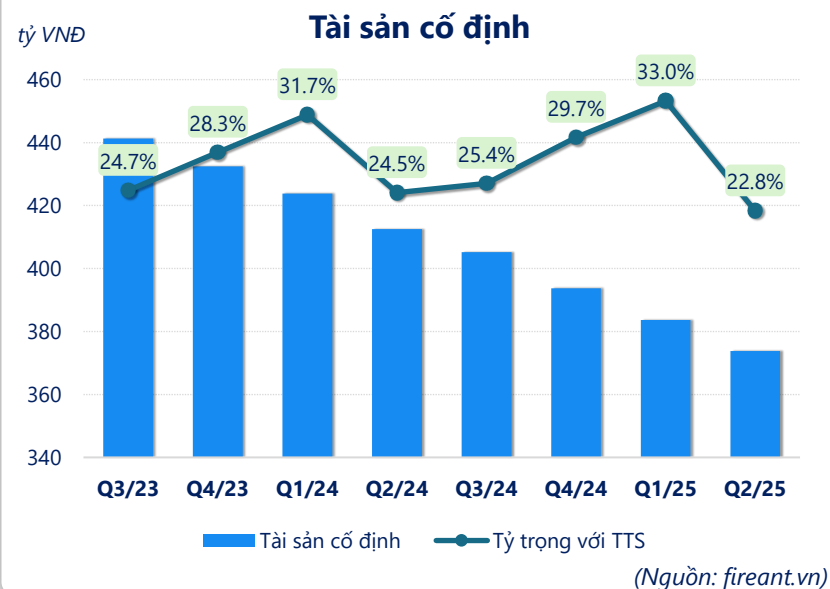
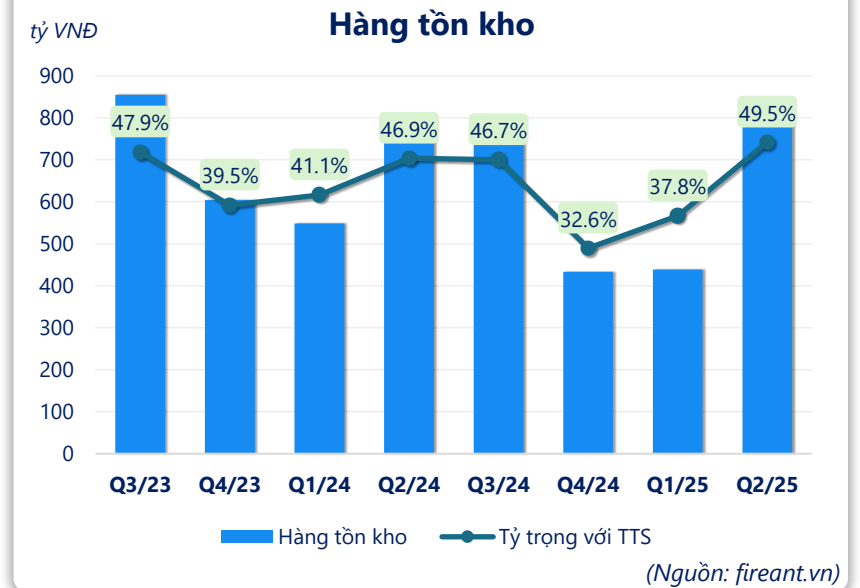
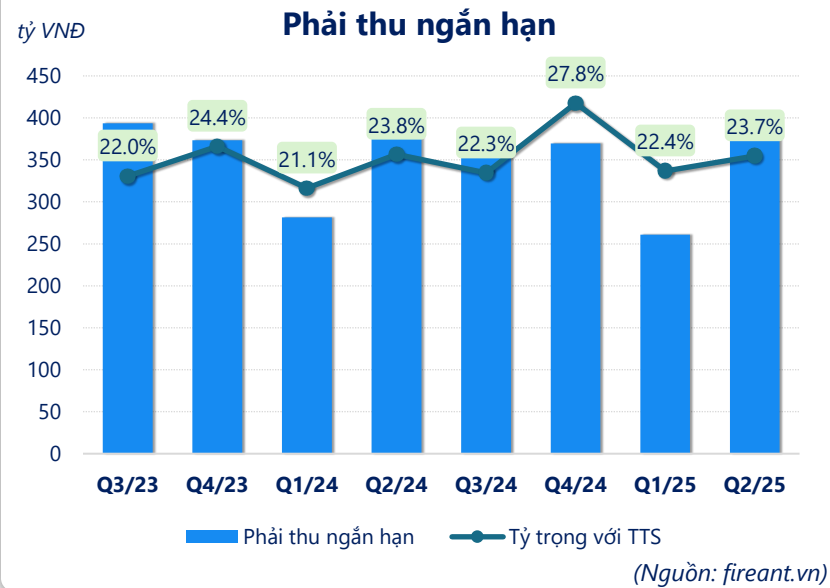
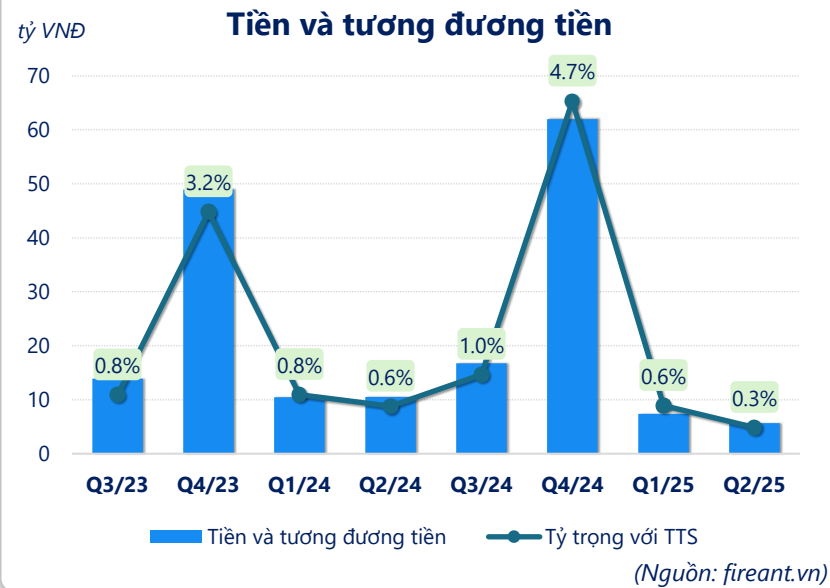
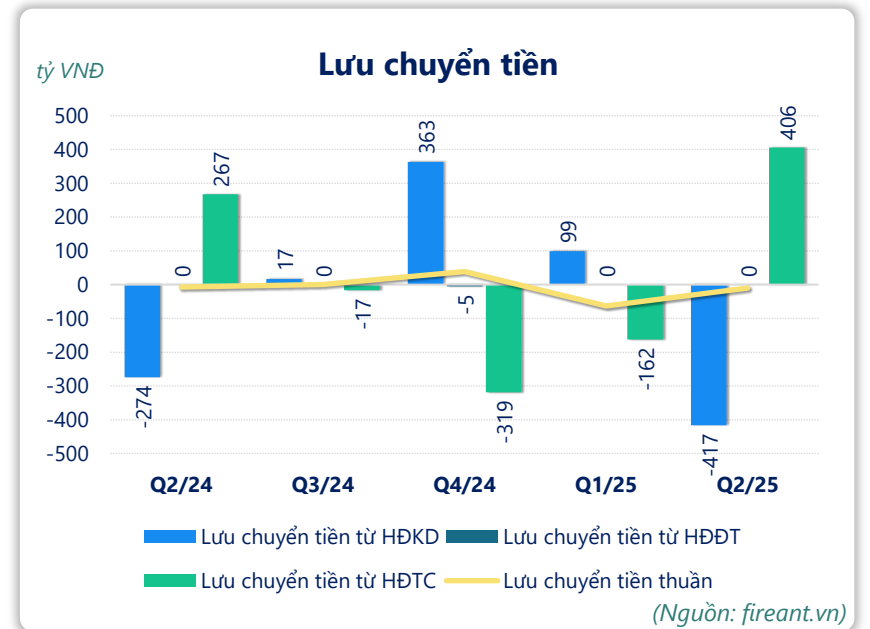
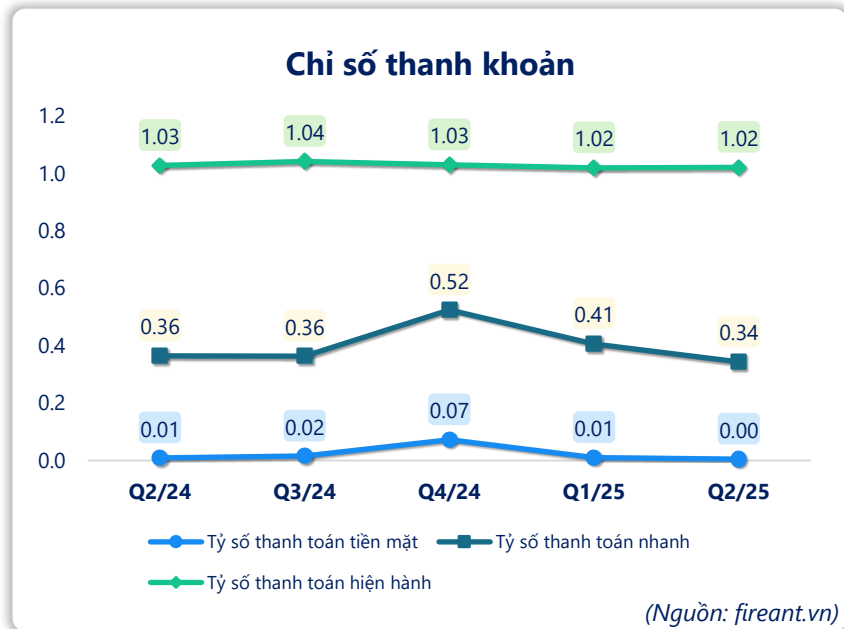
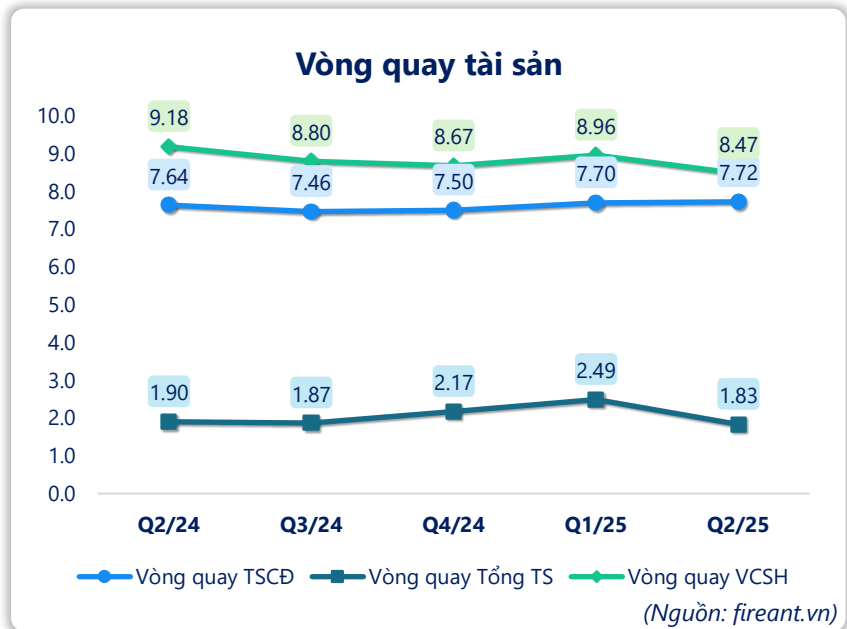
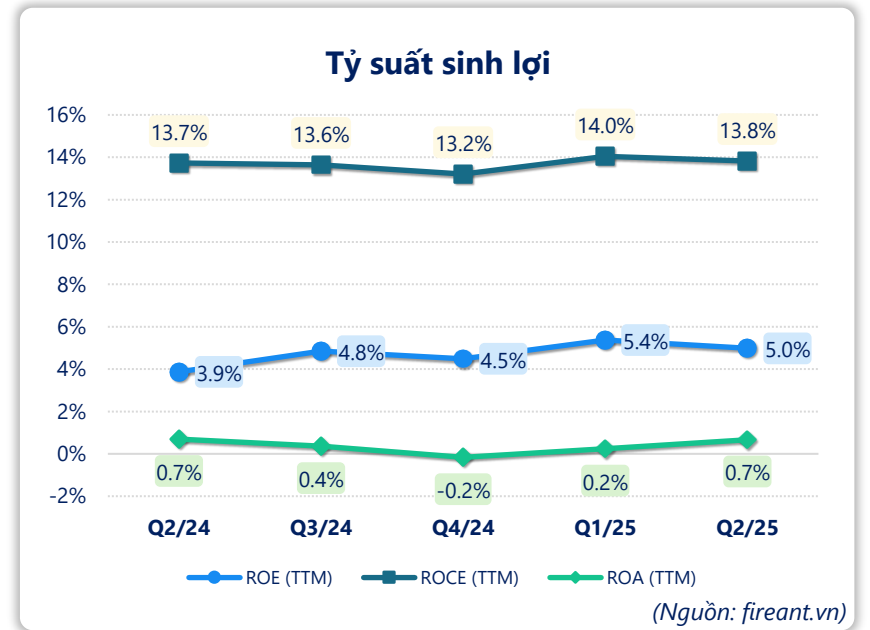
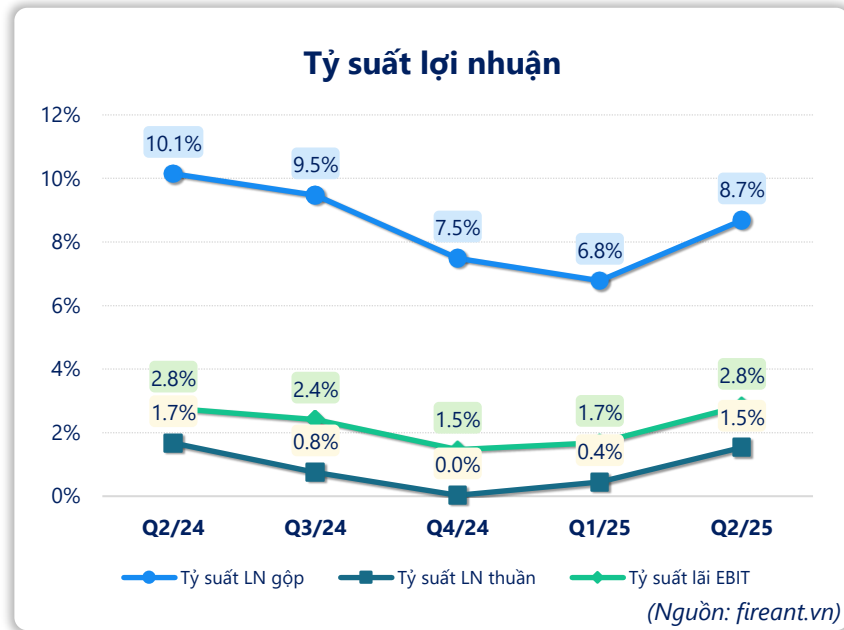
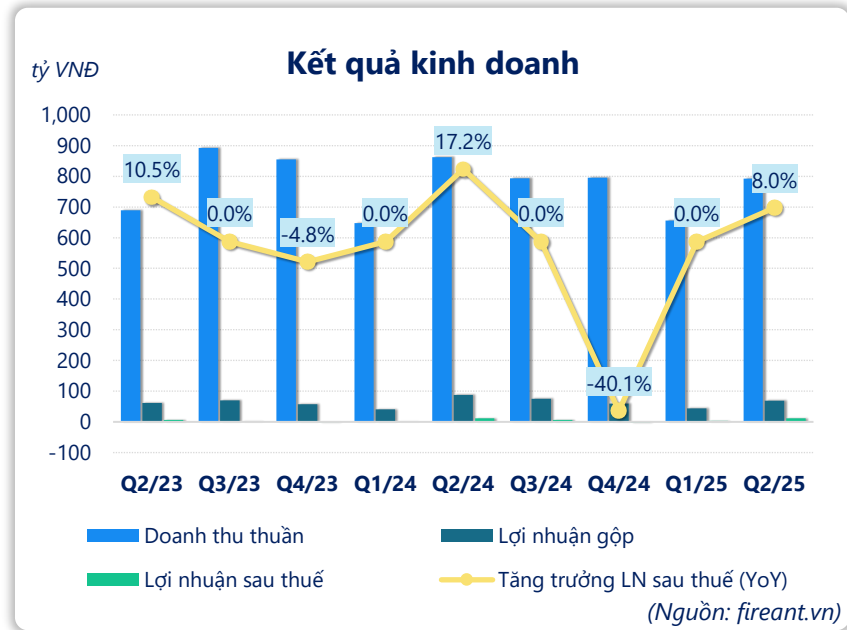


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,000
SL cổ phiếu LH		21,610,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)		17,541
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		194
P/E		10.9
EPS		826

	YTD	1T	3T	6T
THP	8.9%	-3.2%	10.2%	11.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,637	1,325	23.5%
Tài sản ngắn hạn	1,220	881	38.6%
Tiền và tương đương tiền	5.68	62.0	-90.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.28	7.36	-1.2%
Phải thu ngắn hạn	387	354	9.3%
Hàng tồn kho	810	446	81.6%
Tài sản ngắn hạn khác	10.5	11.0	-5.2%
Tài sản dài hạn	416	444	-6.3%
Phải thu dài hạn	0	6.41	-100%
Tài sản cố định	374	394	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.06	7.06	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	35.6	37.0	-3.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,276	969	31.7%
Nợ ngắn hạn	1,196	860	39.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,019	723	40.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	111	51.9	113%
Nợ dài hạn	80.2	110	-26.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	80.2	110	-26.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	361	356	1.4%
Vốn chủ sở hữu	361	356	1.4%
Vốn điều lệ	216	216	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	863	794	795	655	792
Giá vốn hàng bán	775	718	736	611	723
Lợi nhuận gộp	87.5	75.2	59.5	44.5	68.8
Doanh thu HĐTC	14.5	14.1	17.0	11.2	14.1
Chi phí TC	19.5	24.6	26.3	13.4	25.3
Chi phí lãi vay	9.67	13.1	11.8	8.00	9.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	53.6	47.6	39.4	28.2	34.0
Chi phí QLDN	14.4	11.1	10.6	11.2	11.4
LN thuần từ HĐKD	14.4	5.98	0.24	2.93	12.1
Lợi nhuận khác	-0.28	0.06	-0.33	0.10	1.41
LN trước thuế	14.1	6.04	-0.09	3.03	13.5
Lợi nhuận sau thuế	11.9	6.04	-2.36	3.03	11.1
LNST của CĐ cty mẹ	11.9	6.04	-2.36	3.03	11.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-274	16.9	363	99.0	-417
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.12	0.05	-5.49	0.20	0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	267	-16.9	-319	-162	406
Tiền đầu kỳ	10.4	10.5	16.8	62.0	7.40
Lưu chuyển tiền thuần	-6.92	-0.01	38.7	-63.2	-10.3
Ảnh hưởng tỷ giá	7.02	6.21	6.54	8.62	8.54
Tiền cuối kỳ	10.5	16.8	62.0	7.40	5.68

(Nguồn: fireant.vn)